

Phẩm 36: PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH (Phần 1)

Khi ấy Đức Thế Tôn rời khỏi rừng Sai-lê-ni-ca, chậm rãi trở lại dưới cội cây Bồ-đề. Lúc ấy trong nước có kẻ nam, người nữ bị bệnh nặng, gầy ốm, vàng vọt, khốn khổ nằm trên giường, không thể chữa trị, khó qua khỏi. Những người này chẳng bao lâu nữa lâm chung, hơi thở chỉ còn thoi thóp, nên bị đưa vào thi lâm, coi như mai táng. Khi Bồ-tát còn tu khổ hạnh nơi rừng kia, cách cây Bồ-đề chẳng bao xa có một phụ nữ tên là La-sa-da vẫn chưa tắt thở mà gia quyến đem bỏ nằm trên đất. Người phụ nữ này trông thấy Bồ-tát ngồi dưới cây Bồ-đề tu khổ hạnh, nên sinh tâm rất tín kính, vì kính tín nên lấy áo trên mình để một bên, bạch Bồ-tát:

–Thưa Đại thánh Tôn giả, nếu Tôn giả tu khổ hạnh xong, vượt khỏi bờ biển phiền não đến bờ kia, tự nguyện đã đầy đủ, lúc ấy e thân Ngài không còn y phục. Xin Bồ-tát thương xót con, có thể thu nhận chiếc áo phấn tảo của con, tùy ý Ngài sử dụng.

Người phụ nữ ấy sau một thời gian ngắn thì qua đời, do đối với Bồ-tát sinh tâm chánh tín nên sau khi tắt thở, nhờ thiện căn này, thần thức sinh lên cõi trời Đao-lợi làm ngọc nữ có nhiều oai đức, mang thân chư Thiên, hào quang sáng rực, thần thông tự tại. Sau khi sinh lên cõi trời, tự nghĩ: “Ta do nghiệp nhân gì mà ngày nay thành tựu báo thân này?” Vị ấy tư duy, biết đời trước của mình: Thuở xưa, khi ta còn ở nhân gian làm người phụ nữ, đem áo phấn tảo cúng dường Đức Thế Tôn, tùy ý Ngài sử dụng. Nhờ thiện nghiệp đó mà ngày nay ta được quả báo này. Vị ấy lại nghĩ: “Ngày nay Đức Thế Tôn chưa dùng áo phấn tảo ấy mà mình còn được phước báo, có sức thần thông như vậy, huống chi nếu Thế Tôn nhận dùng áo của ta thì chắc rằng sẽ vượt hơn quả báo này?”

Ngọc nữ thân phóng hào quang sáng rực, vào khoảng nửa đêm đi đến chỗ Đức Phật, hào quang chiếu sáng cả khu rừng, khi đến nơi, đánh lễ sát chân Phật rồi lui về đứng một bên. Ngọc nữ bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài thương xót con lấy chiếc áo phấn tảo, tùy ý sử dụng.

Đức Thế Tôn vì thương ngọc nữ nên nhận lấy chiếc áo phấn tảo. Như Lai nhận rồi, bảo ngọc nữ:

–Này ngọc nữ, người lại đây thọ ba pháp quy y: Phật, Pháp, Tăng và thọ năm giới cấm. Người sẽ ở thọ hưởng nhiều điều lợi ích an lạc lâu dài.

Thiên nữ nghe Đức Phật nói như vậy, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con y lời Ngài dạy, không dám trái.

Ngọc nữ thọ Tam quy và Ngũ giới. Ngọc nữ thấy Đức Thế Tôn nhận dùng chiếc áo phấn tảo của mình, nên rất vui mừng hơn hởi, tràn ngập châu thân không thể tự chế. Sau đó, ngọc nữ đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, ngay nơi đây ẩn thân biến mất.

Thuở ấy Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Ta nay đem chiếc áo phấn tảo này giặt ở đâu?” Vừa nghĩ như vậy, vua trời Đế Thích vì Đức Như Lai liền đi đến một khu rừng cách Như Lai không xa, biến ra một dòng sông nước trong trẻo không vấn đục. Vua trời Đế Thích biến ra ba tảng đá lớn bên bờ sông: Tảng đá thứ nhất để Đức Như Lai ngồi, tảng đá thứ hai để giặt chiếc áo phấn tảo, tự tay Đế Thích tạt nước và tảng đá thứ ba để phơi khô chiếc áo sau khi đã giặt xong. Tảng đá phơi áo phấn tảo này do oai thần của Đức Phật, sau đó bay lên hư không, hướng về xứ Bắc Ấn độ, hạ xuống chỗ ở của các thương chủ Đế-lê-phú-sa... để họ xây tháp cùng nhau cúng dường.

Sư Ma-ha Tăng-kỳ nói: “Cứ như vậy trải qua bốn mươi chín ngày”; hoặc lại có sư cho rằng việc này trải qua mười bốn ngày, hoặc có sư cho rằng việc này trải qua hai mươi một ngày, hoặc có sư cho rằng việc này trải qua hai mươi tám ngày, bảy ngày thứ nhất lắng tâm dưới gốc Bồ-đề, bảy ngày thứ hai lần lần đi đến tháp Mất không nháy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ tháp Mất không nháy đứng dậy, rồi Ngài đi đến dưới cây La-xà-na. Đến dưới cây này, Đức Phật ngồi kiết già bảy ngày ở trong thiền định để thọ hưởng an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm chánh tri. Khi ấy hai thương chủ Đế-lê-phú-sa và Bạt-lê-ca từ thành Ca-phu-tra lần lần đi đến chỗ Đức Phật. Đến chỗ Phật rồi, cho đến đi nhiều ba vòng, từ biệt Đức Phật ra đi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ dưới cây La-xà-na đứng dậy, chậm rãi đi dần về ngồi dưới cây Mục-chân-lân-đà. Cho đến nói kệ.

Bấy giờ trải qua bảy ngày, vào một buổi sớm mai Đức Thế Tôn đắp y, mang bình bát đi thẳng đến nhà chủ thôn Nan-đê-ca, khi đến nơi, Ngài đứng một bên, yên lặng để cầu vật thực. Cô gái, con vị chủ thôn khi thấy Đức Thế Tôn đứng yên lặng khát thực bên ngõ, thấy rồi nàng liền đến thỉnh bình bát từ trong tay Ngài, quay vào trong nhà đem đủ thức ăn trăm vị đựng trong bình bát rồi trở ra dâng cúng Đức Thế Tôn và bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót con, nhận thức ăn này.

Đức Thế Tôn nhận thức ăn của nàng Thiện Sinh con chủ thôn, rồi bảo Thiện Sinh:

–Thiện Sinh, hãy lại đây thọ pháp Tam quy và Ngũ giới, người sẽ được nhiều sự an lạc lợi ích lâu dài.

Nàng Thiện Sinh nghe Đức Phật nói như vậy, bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, con sẽ làm đúng như lời Thế Tôn dạy, không dám trái.

Nàng liền thọ Tam quy và Ngũ giới. Như vậy, nàng Thiện Sinh là người thọ Tam quy và Ngũ giới, làm vị Ưu-bà-di đầu tiên trong nhân loại. Đức Thế Tôn nhận vật thực từ nàng Thiện Sinh, con gái người chủ thôn, thọ thực xong, Ngài ngồi dưới cây Bồ-đề lại trải qua bảy ngày để thọ an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh tri, rồi vào một buổi sáng Ngài đắp y, mang bình bát ung dung đi về hướng nhà Bà-la-môn Tư-da-na-đa. Đến nơi, Ngài đứng yên lặng một bên ngõ để khát thực. Thấy vậy, Tư-da-na-đa liền ra thỉnh bình bát từ nơi tay Thế Tôn, rồi trở vào trong nhà lấy đủ thức canh thịt, thức ăn trăm vị đựng đầy trong bát, đem dâng cúng cho Đức Phật, lại bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn vì thương xót con nhận món ăn này.

Đức Thế Tôn nhận thức ăn từ nhà Tư-da-na-đa rồi bảo:

–Này Bà-la-môn, hãy đến đây thọ pháp Tam quy và Ngũ giới.

Vị Bà-la-môn nghe lời Đức Phật nói như vậy, y theo lời Đức Phật dạy mà thọ Tam quy và Ngũ giới.

Khi ấy Đức Thế Tôn nhận thức ăn từ nhà Bà-la-môn Tư-da-na-đa rồi ung dung trở về tháp Mạn-tha-na (*nhà Tùy dịch là Giáo Lạc Mộc*). Ăn xong, y như pháp, Ngài thâu cất y bát rồi trở lại dưới cây Bồ-đề ngồi kiết già trải qua bảy ngày... cho đến thọ an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh tri, rồi vào một buổi sáng Ngài đắp y, mang bình bát dần dần đi hướng về bốn chị em thân quyến của Tư-da-na-đa. Bốn chị em này là: người thứ nhất tên là Bà-la (*nhà Tùy dịch là Lạc*). Người thứ hai là Ma-đế-bà-la (*nhà Tùy dịch là Cực Lạc*). Người thứ ba

tên Tung-đà-lê (*nhà Tùy dịch là Doan chánh nữ*) và người thứ tư tên là Kiềm-bà-ca-lê (*nhà Tùy dịch là Ngõa Sư*). Khi Ngài đến nhà những người này rồi, đứng về một bên, im lặng khát thực. Bốn chị em thấy Đức Thế Tôn đứng yên lặng, liền ra thỉnh chiếc bát nơi Đức Thế Tôn rồi vào nhà lấy đủ các thứ canh thịt, thức ăn trăm vị, màu sắc tuyệt hảo đựng đầy trong bát, đem dâng lên Đức Phật, bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn thương chúng con, nhận món ăn này.

Đức Thế Tôn vì lòng thương, nhận thức ăn trăm vị của bốn chị em. Nhận rồi, Ngài bảo bốn chị em:

–Chị em các người lại đây, nhận nơi ta pháp Tam quy và Ngũ giới, các người sẽ ở được an ổn, lợi ích lâu dài.

Bốn chị em nghe lời Phật dạy rồi liền bạch Phật:

–Y như lời Thế Tôn dạy, chúng con không dám trái ý.

Họ cùng nhau thọ pháp Tam quy và Ngũ giới.

Đức Thế Tôn đã thọ thức ăn của bốn chị em kia rồi, Ngài ung dung trở lại tháp Mạn-tha-na. Đến nơi, Ngài y như pháp thọ trai, rồi quay trở về ngồi dưới cây Bồ-đề trái qua bảy ngày thọ an lạc giải thoát.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh tri, rồi vào một buổi sáng Ngài đắp y, mang bình bát ung dung đi về phía cây Ni-câu-đà của người chăn dê trồng. Trên khoảng giữa đường đi từ cây Bồ-đề đến cây Ni-câu-đà, Ngài thấy có một người phụ nữ chăn trâu đang khuấy lạc thành tồ. Bấy giờ Thế Tôn từ từ đi đến bên người phụ nữ này. Khi đến cách người phụ nữ chẳng xa, Ngài đứng yên lặng khát thực. Người phụ nữ thấy Ngài đứng yên lặng chẳng xa, thấy rồi liền đến thỉnh bình bát, đem đựng đầy lạc dâng cúng Thế Tôn, bạch:

–Thưa Đại thánh Tôn giả, xin Ngài thương con, nhận món lạc này.

Đức Thế Tôn thọ nhận món lạc này nơi mục nữ và bảo:

–Này chị mục nữ, hãy đến đây thọ pháp Tam quy và Ngũ giới, người sẽ ở được nhiều lợi ích an lạc lớn lâu dài.

Lúc ấy mục nữ vâng lời dạy của Phật, thọ pháp Tam quy và Ngũ giới. Đức Thế Tôn tùy ý thọ thực, ăn xong, rửa bát rồi đi đến ngồi dưới gốc cây Ni-câu-đà của người chăn dê trồng, trải qua bảy ngày thọ hưởng an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh định, lúc ấy bỗng có một Bà-la-môn đối diện tìm lỗi đi đến bên Đức Phật. Đến nơi, nói những lời hỏi thăm, rồi lui về đứng một bên, bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, tại sao gọi là Bà-la-môn? Bà-la-môn tu những pháp gì có bao nhiêu pháp?

Đức Như Lai biết rồi, liền phát ra tiếng Sư tử nói kệ:

Diệt trừ tất cả các nghiệp tội

Do vậy gọi là Bà-la-môn.

Tâm ý thanh tịnh, không dua nịnh

Trong ngoài chánh định, thường an trụ

Như pháp tu hành các phạm hạnh

Lời nói, ý nghĩ cũng như vậy

Đối với các nơi, đều không tham

Hiệu Bà-la-môn mới thành tựu.

Trong thời gian tám tuần, trong ba tuần đầu Ngài đều không ăn, năm tuần sau mới

khất thực.

Thuở ấy Đức Thế Tôn an tọa trong Tam-muội tên là Biến quán thế gian. Khi đó Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn Vô thượng quán sát thấy nơi thế gian: Hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục rồi đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục rồi đọa làm thân súc sinh, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục đọa làm thân ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục sinh làm thân người, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục sinh làm thân chư Thiên.

Hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh đọa làm thân địa ngục, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh lại sinh vào súc sinh, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh đọa làm thân ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh được sinh vào nhân gian, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh được sinh lên cõi trời.

Hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ lại đọa vào ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ đọa vào súc sinh, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ được sinh vào nhân gian, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ được sinh lên các cõi trời.

Hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi đọa vào súc sinh, hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi đọa vào ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi lại sinh vào nhân gian, hoặc có chúng sinh ở trong nhân gian chết rồi được sinh lên các cõi trời.

Hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời đọa vào súc sinh, hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời đọa làm thân ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời sinh xuống trần gian, hoặc có chúng sinh chết ở cõi trời rồi sinh trở lại cõi trời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy các chúng sinh bị các kiến chấp trói buộc. Hoặc có chúng sinh bị lửa dục thiêu đốt thân thể, hoặc có chúng sinh bị lửa sân hận, hoặc lửa ngu si, thiêu đốt thân thể; hoặc có chúng sinh lệ thuộc ái dục, bị ái dục nào hại lại sinh khoái lạc. Đối với tất cả phiền não khác như sân hận, ngu si cũng như vậy.

Đức Thế Tôn thấy các chúng sinh bị lửa ba độc thiêu đốt liền phát ra tiếng Sư tử rống:

–Các loại chúng sinh trong thế gian này bị cảnh giới nó ràng buộc, hăng say tạo các nghiệp nên có quả báo hình thể như vậy, thân chịu khổ não lớn, đấm trước các cảnh nên phát sinh các tà ý. Tà ý luôn luôn tăng trưởng, do sự tăng trưởng đó tức thành cõi này là do chấp trước về hữu. Ở trong thế gian có các chúng sinh chấp trước về hữu, nên nghĩ đến cảnh giới, liền sinh đến cảnh giới đó. Tất cả chúng sinh ở trong bao nhiêu cảnh giới, tức liền thọ khổ trong cảnh giới đó. Nếu chúng sinh nào diệt được các khổ đó, là nhờ tu học phạm hạnh trong pháp này. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn biết cái khổ đấm trước cảnh giới rồi biết cách ra khỏi cảnh giới. Những hạng người này gọi là không đấm các cõi. Biết như vậy rồi có thể ra khỏi các cõi.

Ta nói như thế này: Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào cảnh giới mà nói muốn thoát các cõi, tất cả hạng người này không được gọi là thoát khỏi các cõi.

Ta nói những người như vậy như đọa vào tà đạo gọi là chịu cảnh khổ lớn. Ta nói thế này: Xả bỏ tất cả tà đạo ở thế gian thì diệt hết tất cả nghiệp báo khổ quả, đã diệt hết các khổ rồi thì gọi là không có cảnh giới. Tất cả ngã kiến của chúng sinh ở thế gian đều do vô minh lừa dối, nên ưa đấm các cảnh giới. Đấm các cảnh giới rồi thì không thoát khỏi các khổ của cảnh giới ấy. Nếu có người đối với tất cả chỗ quán sát các cõi,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đối với tất cả chỗ vẫn chưa xa lìa được cảnh giới, phải ở trong cảnh giới. Đã còn ở trong cảnh giới rồi thì gọi là vô thường, là khổ, là không thật. Đối với pháp không thật biết đúng như vậy, chánh trí như thật, cần phải quán biết. Nếu ai chánh trí quán biết như vậy thì diệt sạch các các cảnh giới và lòng tham ái cũng diệt sạch, đối với chỗ không có cảnh giới, cũng không sinh tâm niệm, như vậy được gọi là tịch diệt. Tỳ-kheo đã tịch diệt rồi, không còn sinh vào các cõi, không thọ thân đời sau, thì có thể đối với tất cả các trận chiến với ma, đều được đánh thắng và thu phục được ma quân, đối với tất cả mọi nơi đều được lợi ích lớn, đối với các cảnh giới không còn nghĩ tưởng.

